

Số: /QĐ-SXD

Đồng Tháp, ngày tháng 10 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố chỉ số giá xây dựng các tháng 01, 02, 3 và quý I;  
các tháng 4, 5, 6 và quý II năm 2021**

### **GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền trong việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;*

*Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp;*

*Căn cứ Công văn số 107/CV-PV ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Phân Viện Kinh tế xây dựng Miền Nam về việc đề nghị công bố chỉ số giá xây dựng các tháng 01, 02, 03 và quý I; các tháng 04, 05, 06 và quý II năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố tập chỉ số giá xây dựng các tháng 01, 02, 3 và quý I; các tháng 4, 5, 6 và quý II năm 2021 kèm theo Quyết định này làm cơ sở để xác định, điều chỉnh tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình, giá gói thầu xây dựng, giá hợp đồng xây dựng, quy đổi vốn đầu tư xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Trường hợp đã áp dụng chỉ số giá quý I năm 2021 do Sở Xây dựng công bố tại Quyết định số 125/QĐ-SXD ngày 14 tháng 04 năm 2021 thì tiếp tục áp dụng, không phải cập nhật lại chỉ số giá quý I ban hành theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Trưởng Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng tổ chức theo dõi và kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở Xây dựng; các chủ đầu tư; các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- UBND Tỉnh (b/c);
- Các Phòng và Trung tâm thuộc Sở;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT; KT&VLXD.Thanh

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Ngô Minh Tuấn**

## CHỈ SỐ GIÁ XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc công bố Chỉ số giá xây dựng các tháng 01, 02, 3 và quý I; các tháng 4, 5, 6 và quý II năm 2021)

### I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Chỉ số giá xây dựng là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động của giá xây dựng theo thời gian, làm cơ sở xác định, điều chỉnh sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng, giá gói thầu xây dựng, giá hợp đồng xây dựng, quy đổi vốn đầu tư xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Các chỉ số giá xây dựng trong Tập chỉ số giá xây dựng được xác định theo nhóm công trình thuộc 5 loại công trình xây dựng, gồm:

a) Công trình dân dụng gồm có: Công trình nhà ở; công trình giáo dục; công trình trụ sở cơ quan, văn phòng và công trình y tế.

b) Công trình công nghiệp gồm có: Đường dây và trạm biến áp.

c) Công trình giao thông gồm có: Đường bê tông xi măng; đường láng nhựa; đường nhựa asphan và cầu bê tông.

d) Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn gồm có: Kênh thủy lợi kết hợp đê bao; cống các loại và kè bê tông cốt thép.

e) Công trình hạ tầng kỹ thuật gồm có: Công trình cấp nước (sinh hoạt); mạng thoát nước (hệ thống thoát nước khu dân cư); hệ thống chiếu sáng công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị kết hợp (đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè, hệ thống chiếu sáng).

2. Các loại chỉ số giá xây dựng và thời điểm công bố trong Tập chỉ số giá xây dựng gồm:

a) Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu được công bố theo tháng 01, 02, 3 và quý I năm 2021 được thể hiện tại Bảng 1.1, Bảng 1.2, Bảng 1.3, Bảng 1.4 của Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này; công bố theo tháng 4, 5, 6 và quý II năm 2021 được thể hiện tại Bảng 1.1, Bảng 1.2, Bảng 1.3, Bảng 1.4 của Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này.

b) Chỉ số giá xây dựng theo yếu tố chi phí bao gồm: Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình; chỉ số giá nhân công xây dựng công trình và chỉ số giá máy và thiết bị thi công xây dựng công trình được công bố theo tháng 01, 02, 03 và quý I năm 2021 được thể hiện tại Bảng 2.1, Bảng 2.2, Bảng 2.3, Bảng 2.4 của Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này; công bố theo tháng 4, 5, 6 và

*quý II năm 2021* được thể hiện tại Bảng 2.1, Bảng 2.2, Bảng 2.3, Bảng 2.4 của Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này.

c) Chỉ số giá phần xây dựng được công bố theo *tháng 01, 02, 03 và quý I năm 2021* được thể hiện tại Bảng 3.1, Bảng 3.2, Bảng 3.3, Bảng 3.4 của Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này; công bố theo *tháng 4, 5, 6 và quý II năm 2021* được thể hiện tại Bảng 3.1, Bảng 3.2, Bảng 3.3, Bảng 3.4 của Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này.

d) Chỉ số giá xây dựng công trình được công bố theo *tháng 01, 02, 03 và quý I năm 2021* được thể hiện tại Bảng 4.1, Bảng 4.2, Bảng 4.3, Bảng 4.4 của Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này; công bố theo *tháng 4, 5, 6 và quý II năm 2021* được thể hiện tại Bảng 4.1, Bảng 4.2, Bảng 4.3, Bảng 4.4 của Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này

3. Các từ ngữ trong Tập chỉ số giá xây dựng này được hiểu như sau:

a) *Chỉ số giá xây dựng theo loại vật liệu xây dựng chủ yếu* là chỉ tiêu phản ánh biến động giá của loại vật liệu xây dựng chủ yếu theo thời gian.

b) *Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình* là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động chi phí phần vật liệu xây dựng của công trình theo thời gian.

c) *Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình* là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động chi phí phần nhân công xây dựng của công trình theo thời gian.

d) *Chỉ số giá máy và thiết bị thi công xây dựng công trình* là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động chi phí máy và thiết bị thi công xây dựng của công trình theo thời gian.

e) *Chỉ số giá xây dựng công trình* là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động của giá xây dựng công trình theo thời gian.

f) *Chỉ số giá phần xây dựng* là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động của phần chi phí xây dựng của công trình theo thời gian.

g) *Thời điểm gốc* là năm 2020, thời điểm được chọn làm gốc để so sánh. Các cơ cấu chi phí xây dựng được xác định tại thời điểm này.

h) *Thời điểm so sánh* là thời điểm tháng 01, 02, 03 và quý I năm 2021; tháng 4, 5, 6 và quý II năm 2021.

4. Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu nêu tại *Tập chỉ số giá xây dựng này* phản ánh mức độ biến động giá vật liệu xây dựng chủ yếu bình quân trong tháng, quý theo Công bố giá vật liệu xây dựng chủ yếu của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp tại thời điểm công bố chỉ số giá so với giá vật liệu xây dựng chủ yếu bình quân năm 2020 (thời điểm gốc) và bình quân của tháng, quý liền kề.

5. Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình, chỉ số giá nhân công xây dựng công trình và chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình “thuộc Chỉ số giá xây dựng theo yếu tố chi phí” tại *Tập chỉ số giá xây dựng này* đã tính đến sự biến động chi phí vật liệu xây dựng, chi phí nhân công xây dựng và chi phí máy thi công xây dựng trong chi phí trực tiếp tại thời điểm công bố chỉ số giá so với biến động chi phí vật liệu xây dựng, chi phí nhân công xây dựng và chi phí máy thi công xây dựng bình quân năm 2020 (thời điểm gốc) và bình quân của tháng, quý liền kề.

6. Chỉ số giá xây dựng công trình tại *Tập chỉ số giá xây dựng này* đã tính đến sự biến động của chi phí trực tiếp (chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công xây dựng) và các khoản mục chi phí còn lại trong chi phí xây dựng tại thời điểm công bố chỉ số giá so với biến động của chi phí trực tiếp và các khoản mục chi phí còn lại trong chi phí xây dựng bình quân năm 2020 (thời điểm gốc).

Trường hợp những công trình có xử lý nền móng đặc biệt, hoặc có kết cấu đặc biệt, hoặc vị trí xây dựng đặc biệt thì khi vận dụng chỉ số giá phần xây dựng vào việc tính toán cần có sự điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

7. Chỉ số giá xây dựng công trình tại *Tập chỉ số giá xây dựng này* đã tính toán đến sự biến động của các chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và một số khoản mục chi phí khác của chi phí đầu tư xây dựng công trình tại thời điểm công bố chỉ số giá so với biến động của các chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và một số khoản mục chi phí khác của chi phí đầu tư xây dựng công trình bình quân năm 2020 (thời điểm gốc).

8. Các chỉ số giá xây dựng công trình này chưa xét đến sự biến động của chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có), chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có), chi phí thuê tư vấn nước ngoài (nếu có), chi phí rà phá bom mìn và vật nổ, lãi vay trong thời gian xây dựng (đối với các dự án có sử dụng vốn vay), vốn lưu động ban đầu (đối với các dự án sản xuất, kinh doanh).

Khi sử dụng chỉ số giá xây dựng công trình làm cơ sở để xác định tổng mức đầu tư thì cần căn cứ vào tính chất, đặc điểm và yêu cầu cụ thể của dự án để tính bổ sung các khoản mục chi phí này cho phù hợp.

9. Biến động chi phí vật liệu xây dựng, chi phí nhân công xây dựng và chi phí máy thi công xây dựng tại thời điểm công bố chỉ số giá đã được tính toán, điều chỉnh theo quy định tại Quyết định số 216/QĐ-SXD ngày 08/7/2021 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp về việc công bố Đơn giá nhân công xây dựng; Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng Quý I, II

năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Công bố số 218/SXD-CBG ngày 09/2/2021, số 333/SXD-CBG ngày 12/3/2021, số 538/SXD-CBG ngày 14/4/2021, số 774/SXD-CBG ngày 20/5/2021, số 933/TB-SXD ngày 09/6/2021, số 1203/TB-SXD ngày 08/7/2021 về việc Công bố giá vật liệu xây dựng các tháng 01, 02, 3, 4, 5, 6 năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra, các chi phí khác trong dự toán xây dựng công trình được áp dụng theo quy định tại thời điểm so sánh.

10. Các chỉ số giá xây dựng trong tập chỉ số giá xây dựng được xác định theo phương pháp thống kê, tính toán từ các số liệu thực tế thu thập của các dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Các công trình lựa chọn để tính toán là các công trình xây dựng mới, có tính năng phục vụ phù hợp với phân loại công trình, được xây dựng theo quy trình công nghệ thi công phổ biến, sử dụng các loại vật liệu xây dựng thông dụng hiện có trên thị trường.

Các chỉ số giá xây dựng này được xác định trên cơ sở cơ cấu tỷ trọng các khoản mục chi phí xây dựng của công trình tại thời điểm năm 2020 (gọi tắt là cơ cấu chi phí năm 2020). Giá xây dựng công trình tính tại năm 2020 được lấy làm gốc (được quy định là 100%) và giá của các thời kỳ khác được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với giá thời kỳ gốc.

11. Việc xác định mức độ trượt giá bình quân ( $I_{XDCTbq}$ ) để tính toán chi phí dự phòng trong tổng mức đầu tư hay dự toán của công trình được thực hiện bằng cách tính bình quân các chỉ số giá xây dựng liên hoàn theo loại công trình của tối thiểu 3 thời kỳ gần nhất so với thời điểm tính toán.

Các chỉ số giá xây dựng liên hoàn là chỉ số giá xây dựng được tính bằng cách lấy chỉ số giá của thời kỳ sau chia cho chỉ số giá của thời kỳ trước.

12. Việc chuyển đổi giá trị chỉ số giá xây dựng khi thay đổi thời điểm gốc thực hiện theo hướng dẫn của Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng./.

## **II. CHỈ SỐ GIÁ XÂY DỰNG**

1. Chỉ số giá xây dựng các tháng 01, 02, 3 và quý I năm 2021: Công bố tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này.

2. Chỉ số giá xây dựng các tháng 4, 5, 6 và quý II năm 2021: Công bố tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
SỞ XÂY DỰNG

---

**CHỈ SỐ GIÁ XÂY DỰNG  
CÁC THÁNG 01, 02, 3 VÀ QUÝ I; CÁC  
THÁNG 4, 5, 6 VÀ QUÝ II NĂM 2021**  
(CÔNG BỐ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ /QĐ-SXD  
NGÀY THÁNG 10 NĂM 2021  
CỦA GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG)

*Đồng Tháp, tháng 10 năm 2021*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
SỞ XÂY DỰNG

---

**CHỈ SỐ GIÁ XÂY DỰNG**  
**CÁC THÁNG 01, 02, 3 VÀ QUÝ I; CÁC**  
**THÁNG 4, 5, 6 VÀ QUÝ II NĂM 2021**  
(CÔNG BỐ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ /QĐ-SXD  
NGÀY THÁNG 10 NĂM 2021  
CỦA GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG)

*Đồng Tháp, tháng 10 năm 2021*